

Giá trị của Tạp chí Tiên Phong (1945-1946) và Tạp chí Văn nghệ (1948-1954) đối với xây dựng và phát triển báo chí văn hóa - văn nghệ Việt Nam

Ngày nhận bài: 27/03/2026 | Ngày phản biện: 07/04/2026 | Ngày xuất bản: 25/05/2026

Tác giả: Vi Thị Phương (Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên; NCS Báo chí học K30.1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Tạp chí Tiên Phong (1945-1946) và Tạp chí Văn nghệ (1948-1954) là những “di sản báo chí” có giá trị nền tảng trong quá trình kiến thiết nền báo chí văn hóa - văn nghệ Việt Nam thời kỳ kháng chiến. Hai ấn phẩm này đã tập hợp, đào tạo đội ngũ nhà báo, văn nghệ sĩ gắn bó với sự nghiệp giải phóng dân tộc; đồng thời kiến tạo một hệ thống thể loại phong phú - từ nghị luận, phê bình, ký, thơ đến kịch - đáp ứng yêu cầu phản ánh hiện thực và định hướng tư tưởng. Về ngôn ngữ, các tạp chí góp phần chuẩn hóa tiếng Việt trên báo chí theo hướng giản dị, trong sáng, giàu sức chiến đấu. Tiên Phong và Văn nghệ tạo dựng được diễn đàn tranh luận học thuật, khuyến khích đối thoại và phản biện lành mạnh. Những giá trị ấy đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của báo chí văn hóa - văn nghệ Việt Nam, đồng thời để lại bài học thực tiễn quý báu về xây dựng đội ngũ, tổ chức nội dung và giữ gìn bản sắc dân tộc.

1. Đặt vấn đề

Sự ra đời của Tạp chí Tiên Phong (1945-1946) và Tạp chí Văn nghệ (1948-1954) gắn liền với bối cảnh lịch sử đặc biệt của Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám, khi đất nước vừa giành độc lập, vừa bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong giai đoạn này, nhiệm vụ xây dựng một nền văn hóa mới mang tính dân tộc, khoa học và đại chúng trở thành yêu cầu cấp thiết, vừa để củng cố lòng tin, khơi dậy ý chí tự cường, vừa định hướng tư tưởng cho đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ. Hai tạp chí được xem là cơ quan ngôn luận tiêu biểu của giới văn hóa - văn nghệ cách mạng, trực tiếp

kế thừa tinh thần Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943) và hiện thực hóa đường lối văn hóa của Đảng. Nghiên cứu giá trị của Tiên Phong và Văn nghệ có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, bởi hai tạp chí phản ánh sinh động quá trình hình thành nền báo chí văn hóa - văn nghệ, đồng thời để lại những bài học quý giá trong bối cảnh Đảng và Nhà nước hiện nay tiếp tục khẳng định vai trò của văn hóa và báo chí đối với phát triển bền vững (Nghị quyết 80/NQ-CP). Nghiên cứu phân tích giá trị của Tạp chí Tiên Phong và Tạp chí Văn nghệ về giá trị về tổ chức và đào tạo đội ngũ nhà báo, văn nghệ sĩ gắn bó với kháng chiến; về nội dung và thể loại với việc xây dựng hệ thống thể loại phong phú (nghị luận, phê bình, ký, thơ, kịch) và chuẩn hóa ngôn ngữ báo chí theo hướng giản dị, trong sáng, giàu tính chiến đấu; giá trị về diễn đàn học thuật với việc tạo dựng không gian tranh luận, khuyến khích đối thoại và phản biện.

Bài nghiên cứu xây dựng khung phân tích liên ngành báo chí học - văn hóa học để làm rõ các giá trị nền tảng của hai tạp chí về tổ chức đội ngũ, chuẩn hóa thể loại và ngôn ngữ, tạo lập diễn đàn tranh luận học thuật. Trên cơ sở đó, khẳng định vai trò kiến tạo của Tiên Phong và Văn nghệ đối với mô hình báo chí văn hóa - văn nghệ chuyên nghiệp, có đối thoại và phản biện. Bài viết cập nhật bối cảnh chính sách hiện hành (Nghị quyết 80/NQ-CP, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030) để lý giải sức sống lâu dài của những bài học từ hai tạp chí, góp phần hệ thống hóa lý luận về vai trò kiến tạo văn hóa của báo chí trong bối cảnh chiến tranh. Đồng thời, rút ra những bài học về xây dựng đội ngũ, tổ chức diễn đàn, chuẩn hóa ngôn ngữ và giữ gìn bản sắc dân tộc, có giá trị tham khảo trực tiếp cho sự phát triển của báo chí văn hóa - văn nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận kết hợp giữa định tính và định lượng, trong đó định tính giữ vai trò chủ đạo. Cách tiếp cận liên ngành (báo chí học - văn hóa học - văn học) được vận dụng nhằm phân tích đối tượng trong mối quan hệ đa chiều giữa báo chí, văn hóa và lịch sử tư tưởng. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu tài liệu thực chứng khảo sát trực tiếp các ấn phẩm gốc của Tạp chí Tiên Phong (2 tập, Nxb Hội Nhà văn, 1996) và Tạp chí Văn nghệ (7 tập, Nxb Hội Nhà văn, 1998), qua đó thu thập, chọn lọc và xử lý văn bản theo chủ đề, thể loại và giai đoạn lịch sử; phương pháp khảo sát, thống kê hệ thống hóa dữ liệu bài viết theo các tiêu chí: thể loại (nghị luận,

phê bình, sáng tác), chủ đề, tác giả và thời gian công bố, giúp phát hiện xu hướng vận động của diễn ngôn báo chí văn hóa qua từng giai đoạn. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nội dung định tính để giải mã ý nghĩa, cấu trúc và hệ giá trị ẩn chứa trong các văn bản; Phương pháp so sánh đối chiếu nội dung giữa hai tạp chí, giữa các giai đoạn phát triển và với bối cảnh báo chí cùng thời, qua đó làm nổi bật vị trí, đặc trưng riêng của từng ấn phẩm. Phương pháp lịch sử - logic được xác định là phương pháp tiếp cận nền tảng xuyên suốt, kết hợp hữu cơ với các phương pháp trên. Vận dụng phương pháp lịch sử, nghiên cứu tái hiện một cách khách quan, trung thực bối cảnh ra đời, quá trình vận động và phát triển của Tạp chí Tiên Phong và Tạp chí Văn nghệ trong dòng chảy lịch sử báo chí và văn hóa dân tộc giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Trên cơ sở đó, rút ra bài học kinh nghiệm từ hoạt động của hai tạp chí đối với sự phát triển của báo chí văn hóa - văn nghệ Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và Thảo luận

3. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Giới thiệu Tạp chí Tiên Phong (1945-1946) và Tạp chí Văn nghệ (1948-1954)

- Tạp chí Tiên Phong (1945-1946)

Tạp chí Tiên Phong - cơ quan ngôn luận của Hội Văn hóa Cứu quốc, giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tạp chí Tiên Phong đã tham gia tích cực vào việc xây dựng nền tảng lý luận và chuẩn mực hành động cho giới văn nghệ sĩ, góp phần củng cố sức mạnh tinh thần của toàn dân trong giai đoạn cách mạng đầy thử thách. Bên cạnh việc xác lập vai trò mặt trận của văn hóa, Tiên Phong còn thực hiện một chiến lược đoàn kết rộng rãi các lực lượng văn hóa yêu nước trên nền tảng kế thừa và hợp nhất truyền thống yêu nước của dân tộc.

Song song với nhiệm vụ xây dựng mặt trận đoàn kết văn hóa, Tiên Phong còn thực hiện một cuộc phê phán học thuật nhằm chỉnh lý những quan niệm lệch lạc về văn hóa trong giới trí thức đương thời. Trên cơ sở nền tảng lý luận đã xác lập, Tạp chí Tiên Phong đã khẳng định và cụ thể hóa ba phương châm xây dựng nền văn hóa mới của Đảng thành những nội dung, yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể, có tính thực tiễn cao. Thông

qua việc đăng tải toàn văn Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943) cùng các bài viết giải thích, bình luận, tạp chí đã làm rõ tính chất lịch sử - cụ thể và tính giai đoạn của nền văn hóa mới ở Việt Nam. Về dân tộc hóa, Tiên Phong thể hiện qua việc kiên quyết chống lại mọi hình thức nô dịch về tinh thần, từ sự lệ thuộc vào ngôn ngữ, văn tự nước ngoài đến các khuynh hướng văn hóa sáng tác xa rời lợi ích và tình cảm của dân tộc. Về đại chúng hóa, Tiên Phong hiện thực hóa bằng việc liên tục đề cao vai trò chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hóa của quần chúng nhân dân. Tạp chí dành sự quan tâm đặc biệt đến sự tham gia tích cực của công nhân, nông dân, phụ nữ và thanh niên vào đời sống chính trị - văn hóa sôi động sau Cách mạng, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của nền văn hóa mới. Về khoa học hóa, Tiên Phong thúc đẩy thông qua việc nhấn mạnh yêu cầu chống mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu; đồng thời khuyến khích phát triển tư duy lý luận, xây dựng nền tảng học thuật vững chắc trên lập trường duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Chủ nghĩa Mác - Lênin được khẳng định là kim chỉ nam cho mọi hoạt động nghiên cứu, phê bình và sáng tác văn hóa nghệ thuật.

Tạp chí Tiên Phong và Văn nghệ có giá trị lớn đối với đời sống văn hóa - văn nghệ đương thời, và đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển rực rỡ của văn học nghệ thuật nước nhà trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp cũng như trong những giai đoạn phát triển tiếp theo của đất nước.

- Tạp chí Văn nghệ (1948-1945)

Tạp chí Văn nghệ kế thừa và phát triển sứ mệnh của Tạp chí Tiên Phong trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Nếu Hội Văn hóa Cứu quốc giai đoạn trước thực hiện chức năng vận động, tập hợp trí thức, thì Hội Văn nghệ Việt Nam năm 1948 đánh dấu bước phát triển mới của lực lượng văn nghệ sĩ cách mạng với một tổ chức nghề nghiệp chuyên sâu, có khả năng điều phối hoạt động sáng tác, lý luận và phê bình trong điều kiện chiến tranh. Trong cấu trúc đó, Tạp chí Văn nghệ giữ vai trò cơ quan ngôn luận trung tâm, vừa đại diện cho tổ chức, vừa tạo diễn đàn trao đổi chuyên môn, bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa tổ chức và đội ngũ sáng tác. Tạp chí đã quy tụ được nhiều tên tuổi lớn, có uy tín nghề nghiệp như Đặng Thai Mai, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Văn Cao, Nguyên Hồng, Hoài Thanh, Đoàn Phú Tứ, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Xuân Khoát, Tô Ngọc Vân, Xuân Diệu... Sự hiện diện của các văn nghệ sĩ trưởng thành từ phong trào tiền chiến cùng với lớp sáng tác mới xuất hiện trong kháng chiến đã tạo nên tính liên tục và sự chuyển hóa sâu sắc của đời sống văn nghệ. Tạp chí cũng kịp

thời phản ánh các cuộc tranh luận học thuật về thơ, họa, nhạc, kịch, góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa văn nghệ và đời sống, giữa giá trị nghệ thuật và nhiệm vụ tuyên truyền. Truyện ngắn "Làng" (Kim Lân) đã xây dựng thành công hình tượng người nông dân với tình yêu nước vượt lên trên tình yêu làng, đặt niềm tin tuyệt đối vào Cụ Hồ và cách mạng. Qua đó, Tạp chí Văn nghệ tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn phục vụ sự nghiệp cứu quốc, củng cố lòng yêu nước và ý chí kháng chiến của toàn dân.

Bên cạnh việc cổ vũ tinh thần yêu nước, Tạp chí Văn nghệ xây dựng đội ngũ nhà văn hóa, văn nghệ sĩ mới, gắn bó sâu sắc với Tổ quốc và nhân dân. Tạp chí đặc biệt thúc đẩy sự gắn bó giữa văn nghệ sĩ với đời sống kháng chiến qua các tác phẩm ký sự như "Hành quân trú quân", "Đuốc lửa trong mưa", "Văn nghệ với dân quân". Những bài viết này phản ánh chân thực những gian khổ và chiến công của bộ đội, dân quân, giúp chính những người cầm bút thấu hiểu cội rễ sâu xa của chủ nghĩa anh hùng cách mạng - thứ không đến từ sự thần kỳ hóa mà từ ý chí vượt gian khổ, tinh thần lạc quan tập thể và trí tuệ dân gian.

Song song với nhiệm vụ xây dựng đội ngũ, Tạp chí Văn nghệ luôn quán triệt sâu sắc đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, coi đó là kim chỉ nam cho mọi hoạt động sáng tác và phê bình. Các văn kiện quan trọng như "Thư của Hồ Chí Minh gửi các họa sĩ", báo cáo "Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam" của Cố Tổng Bí thư Trường Chinh được đăng tải kịp thời, đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao nhận thức lý luận của bạn đọc. Nhờ đó, Tạp chí Văn nghệ đã góp phần xây dựng một nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân thống nhất về tư tưởng, vừa kế thừa truyền thống tốt đẹp của cha ông, vừa tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trên lập trường cách mạng.

Tạp chí Văn nghệ xây dựng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thông qua việc nêu gương và phổ biến phong cách viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tạp chí duy trì và gắn kết một đội ngũ cộng tác viên rộng khắp, phản ánh một cách toàn diện và sinh động đời sống văn hóa kháng chiến, đồng thời thực hiện thành công phương châm "văn nghệ phục vụ nhân dân, do nhân dân sáng tạo". So với Tạp chí Tiên Phong (1945-1946), Tạp chí Văn nghệ (1948-1954) hoạt động trong điều kiện tổ chức chặt chẽ hơn và có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn hơn. Nếu Tiên Phong giữ vai trò mở đường

trong việc công khai hóa đường lối văn hóa cách mạng, thì Văn nghệ đã tiếp nối và phát triển nhiệm vụ đó trong không gian kháng chiến gian khổ nhưng hào hùng. Với những đóng góp đó, Tạp chí Văn nghệ giữ vị trí trung tâm trong lịch sử báo chí văn hóa - văn nghệ cách mạng Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển rực rỡ của đời sống văn hóa trong thời kỳ kháng chiến cũng như những giai đoạn phát triển tiếp theo của đất nước.

3.1.2. Giá trị của Tạp chí Tiên Phong và Tạp chí Văn nghệ

- Về tư tưởng - chính trị trong định hình nền văn hóa, văn nghệ cách mạng

Giá trị nổi bật trước hết của Tạp chí Tiên Phong và Tạp chí Văn nghệ nằm ở vai trò truyền bá, cụ thể hóa và bảo vệ đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng trong giai đoạn đầu của nền văn nghệ cách mạng. Đặc biệt, Tiên Phong và Văn nghệ đã góp phần xây dựng sự thống nhất về tư tưởng trong giới văn nghệ sĩ, tạo nên mặt bằng nhận thức chung về trách nhiệm xã hội của hoạt động sáng tác. Trên Tạp chí Văn nghệ, bài viết "Kháng chiến và văn hóa" (số 3) cho thấy cuộc kháng chiến toàn quốc đã biến chuyển đời sống văn hóa về cả vật chất lẫn tinh thần. Văn học phục vụ trực tiếp mục tiêu chống giặc và cứu nước, viết cho toàn dân đang kháng chiến. Tinh thần dân chủ, đại chúng và khoa học được cụ thể hóa trong hoạt động sáng tác, củng cố nền văn hóa dân tộc. Bài "Núi Cứu Quốc" (số 11 & 12), Tô Hoài khắc họa đời sống miền núi Việt Bắc với bộ đội và dân làng trong kháng chiến, thể hiện mối liên hệ gắn bó giữa con người và công cuộc giải phóng dân tộc. Các sinh hoạt hàng ngày như chuẩn bị lương thực, chăm sóc bộ đội được phản ánh sinh động, gần gũi với quần chúng. Ngôn ngữ linh hoạt, dễ hiểu giúp truyền đạt tư tưởng và khích lệ tinh thần cộng đồng. Truyện nhấn mạnh vai trò văn nghệ phục vụ đời sống cách mạng, bảo vệ và truyền bá đường lối văn hóa của Đảng. Hay trong tác phẩm "Hành quân chiến đấu / Sau một trận thắng" (số 29), những mô tả hành quân khắc nghiệt, đồng đội vượt qua đói, rét và hiểm nguy thể hiện tinh thần đoàn kết và trách nhiệm xã hội. Hành động của bộ đội, chăm sóc dân thường và xử lý tù binh phản ánh mối quan hệ giữa văn hóa cách mạng và đời sống thực tiễn. Văn học trở thành phương tiện truyền tải đường lối, tư tưởng và giá trị chính trị, hình thành nền văn hóa dân tộc trong thời kháng chiến.

Với Tạp chí Tiên Phong, bài viết “Văn nghệ với cuộc chiến đấu hiện thời của dân tộc” (Số 2) cho thấy văn nghệ Việt Nam phải hòa nhịp với phong trào dân tộc để thực hiện nhiệm vụ cứu nước, thúc đẩy cách mạng giành độc lập. Những tác phẩm văn học, kịch, thơ và điệu hát phải rung động lòng người, tạo sức mạnh quần chúng và cổ vũ tinh thần chiến đấu. Con đường duy nhất của văn nghệ là con đường cứu nước, vừa giáo dục vừa tổ chức quần chúng tham gia phong trào. Tác phẩm “Hội nghị văn hoá toàn quốc và nền độc lập Việt Nam” (Số 2) khẳng định vai trò của giới trí thức và văn hóa trong việc xây dựng nền độc lập và đoàn kết dân tộc. Sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà văn hóa thúc đẩy công cuộc kiến thiết quốc gia và nâng cao tinh thần quần chúng. Hội nghị cũng chứng tỏ văn hóa là công cụ chính trị quan trọng, giúp dân tộc Việt Nam khẳng định vị thế trước cộng đồng quốc tế. Hay bài “Nguồn sống mới” (Số 3) khắc họa sức sống mới của dân tộc Việt Nam sau những tháng năm gian khổ, tinh thần quần chúng tràn đầy năng lượng. Những hình ảnh lễ hội, cờ đỏ sao vàng và âm nhạc ái quốc minh họa sức mạnh đoàn kết và lòng yêu nước. Văn nghệ trở thành công cụ cổ vũ, giáo dục và truyền cảm hứng, củng cố tinh thần cách mạng trong đời sống xã hội; “Tinh thần cách mạng trong văn học Việt Nam” (Số 3) khẳng định tinh thần cách mạng phải thấm vào văn học để phát triển tư tưởng độc lập, dân chủ và ý thức trách nhiệm xã hội. Nhà văn không còn sáng tác cho riêng mình mà phải sống cùng dân tộc, dẫn dắt quần chúng tới vinh quang và hạnh phúc. Văn học trở thành phương tiện đấu tranh, giáo dục và củng cố tinh thần dân tộc trước những thách thức lịch sử. Qua đó, văn nghệ trở thành một bộ phận của đời sống cách mạng, có chức năng giáo dục, tổ chức và cổ vũ quần chúng.

- Về việc hình thành và vận hành đời sống văn nghệ kháng chiến

Bên cạnh giá trị tư tưởng, Tạp chí Tiên Phong và Tạp chí Văn nghệ còn có giá trị lớn về phương diện hoạt động văn nghệ. Hai tạp chí vừa là diễn đàn công bố tác phẩm, và là trung tâm kết nối, điều phối và tổ chức lực lượng văn nghệ sĩ trong điều kiện chiến tranh. Thông qua mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, trải từ trung ương đến địa phương, từ văn nghệ sĩ chuyên nghiệp đến những cây bút trưởng thành từ quần chúng, các tạp chí đã góp phần hình thành một “không gian văn hóa kháng chiến” có tính tổ chức cao. Tiên Phong và Văn nghệ phản ánh kịp thời đời sống kháng chiến, tạo điều kiện cho quá trình phát hiện, bồi dưỡng và rèn luyện đội ngũ văn nghệ sĩ mới.

Trên Tạp chí Tiên Phong (số 6), tác phẩm “Bản cáo trạng trong tấm lòng son” sử dụng trận Đống Đa như biểu tượng nhắc nhở lòng yêu nước và cảnh giác trước ngoại xâm. Tác phẩm kết hợp kể chuyện lịch sử và bình luận chính trị, giúp quần chúng và văn nghệ sĩ nhận thức sâu sắc tinh thần kháng chiến. Qua đó, nó thể hiện không gian văn hóa kháng chiến, nơi văn nghệ sĩ vừa sáng tác vừa giáo dục lòng dân, đồng thời bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ mới. Tác phẩm “Nhân ngày kỷ niệm Yên Bái” (số 6) khắc họa chi tiết cuộc khởi nghĩa Yên Bái, ca ngợi tinh thần bất khuất và lòng quyết tâm của các chiến sĩ yêu nước. Qua các mô tả chiến đấu, văn nghệ sĩ được rèn luyện trong việc kết nối chính trị với nghệ thuật, góp phần tạo nền tảng văn nghệ cách mạng tự giác và bền vững. Bài viết “Đời sống mới - cùng chung kiến thiết xây đời mới” (số 8) hướng tới cải thiện đời sống xã hội, giáo dục tinh thần trách nhiệm, và vận động các tầng lớp tham gia xây dựng đất nước. Qua các hình thức văn hóa như kịch, ca hát, sân khấu, tác phẩm tạo không gian văn hóa kháng chiến có tổ chức, kết nối văn nghệ sĩ với quần chúng. Đồng thời, nó chuẩn hóa phương thức sáng tác và lan tỏa tinh thần văn nghệ cách mạng, vừa tự giác vừa thực tiễn.

Với Tạp chí Văn nghệ, tác phẩm “Làng” (Số 1) tập trung khai thác sự vận hành của tư tưởng kháng chiến thông qua việc chuẩn hóa nhận thức chính trị cho người nông dân. Những đoạn đối thoại với con trẻ trở thành phương thức giáo dục khéo léo, biến tình cảm gia đình riêng tư thành ý chí trung thành tuyệt đối với cụ Hồ và dân tộc. Qua đó, tác phẩm tạo dựng một không gian văn hóa mới, nơi tình yêu làng quê truyền thống phải hòa quyện và phục tùng tinh thần yêu nước. Tác phẩm “Một sống một chết” (Số 1) phản ánh kịp thời sự gắn kết chặt chẽ giữa quân và dân thông qua hình ảnh hy sinh của mười hai người dân làng Khê để bảo vệ bộ đội. Câu chuyện khắc họa một không gian kháng chiến gai góc, nơi những người dân hiền lành tự giác chuyển mình thành những chiến sĩ kiên trung dưới hầm bí mật. Bài viết “Hội nghị toàn quốc năm nay của Văn hoá và Văn nghệ” (Số 3) đóng vai trò định hướng chính trị, nhấn mạnh việc thiết lập một đường lối thống nhất và bộ máy chỉ huy chung cho toàn bộ lực lượng văn nghệ. Hội nghị khẳng định văn hóa luôn đồng hành cùng quân sự và giáo dục trong lửa chiến tranh chứ không hề đứng ngoài cuộc. Thông qua việc điểm danh lực lượng, tổ chức văn nghệ đã thực hiện vai trò kết nối và chuẩn bị cho những nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn kháng chiến mới. Hay trong “Ngược” (Số 10) minh chứng cho quá trình rèn luyện thực tiễn của người nghệ sĩ thông qua hành trình thâm nhập vào

các mặt trận từ đường số 6 đến chiến khu Việt Bắc. Qua hoạt động đăng tải, phê bình và trao đổi nghề nghiệp, các tạp chí góp phần chuẩn hóa phương thức sáng tác, từng bước hình thành nền văn nghệ cách mạng mang tính tự giác và bền vững.

- Về xây dựng mô hình báo chí văn hóa - văn nghệ mang tính tổ chức và định hướng nghề nghiệp

Trên Tạp chí Tiên Phong và Tạp chí Văn nghệ cho thấy báo chí văn hóa - văn nghệ vừa là công cụ truyền bá tư tưởng, định hướng giá trị thẩm mỹ và bồi dưỡng đời sống tinh thần xã hội. Trong bối cảnh kháng chiến, báo chí văn hóa - văn nghệ được đặt vào vị trí một "mặt trận tư tưởng", có trách nhiệm tham gia trực tiếp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới.

Tiên Phong và Văn nghệ góp phần xây dựng mô hình hoạt động báo chí văn hóa - văn nghệ có tính tổ chức cao. Hai tạp chí vừa là nơi đăng tải tác phẩm, vừa là trung tâm kết nối đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà nghiên cứu trong một không gian sinh hoạt nghề nghiệp chung. Thông qua mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, các tạp chí đã tạo điều kiện cho sự tham gia của nhiều lực lượng sáng tác khác nhau, từ văn nghệ sĩ chuyên nghiệp đến các cây bút trưởng thành từ phong trào quần chúng. Mô hình này góp phần hình thành phong cách làm báo văn hóa - văn nghệ mang tính định hướng rõ ràng, trong đó biên tập vừa là khâu kỹ thuật và là hoạt động tổ chức và dẫn dắt đời sống sáng tác. Các bài phê bình, trao đổi nghề nghiệp trên Tiên Phong và Văn nghệ đã tạo ra chuẩn mực nghề nghiệp ban đầu cho báo chí văn hóa - văn nghệ, giúp định hình mối quan hệ giữa người làm báo, người sáng tác và công chúng tiếp nhận.

Giá trị lâu dài của Tiên Phong và Văn nghệ đối với báo chí văn hóa - văn nghệ còn thể hiện ở việc đặt nền móng cho truyền thống kết hợp hài hòa giữa sáng tác, lý luận và phê bình trong cùng một ấn phẩm. Trên Tạp chí Tiên Phong, tác phẩm "8 tháng đời sống mới" (Số 12) xác lập rõ chức năng tư tưởng của báo chí văn nghệ khi định nghĩa Đời Sống Mới là một cuộc vận động mang tính chính trị - xã hội dựa trên ba nguyên tắc: dân tộc, dân chủ và khoa học. Qua tác phẩm, báo chí thể hiện trách nhiệm là "mặt trận tư tưởng" trực tiếp tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc bằng cách nâng cao giác ngộ và kỷ luật lao động cho nhân dân. Tác phẩm "Hoan nghênh các đồng bào thiếu số" (Số 7) đã cụ thể hóa nhiệm vụ truyền bá tư tưởng và định hướng giá trị

nhân văn của báo chí văn hóa bằng việc khẳng định khối đoàn kết toàn dân tộc giữa các vùng miền. Thông qua nội dung ca ngợi truyền thống gắn bó và ơn nghĩa sâu nặng của đồng bào thiếu số, tờ báo đóng vai trò trung tâm kết nối các lực lượng cộng tác viên và nhân vật lịch sử trong một không gian sinh hoạt nghề nghiệp chung. Đây là minh chứng cho mô hình báo chí có tính định hướng rõ ràng, sử dụng văn nghệ như một công cụ để xóa bỏ ranh giới địa lý, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và tinh thần bảo vệ Tổ quốc. Bài "Nhiệm vụ của Văn hoá trong thời kỳ kháng chiến cứu quốc" (Số 18), tác giả khẳng định báo chí văn hóa phải là cơ quan dẫn dắt, thay đổi thói quen sinh hoạt và tư tưởng của con người thông qua các bài phê bình, trao đổi nghề nghiệp sắc sảo. Tác phẩm thể hiện tính tổ chức cao khi đặt văn hóa bên cạnh mặt trận quân sự và chính trị, đòi hỏi người làm báo phải có tư duy thực tiễn để xây dựng hệ thống văn hóa chống đế quốc và phong kiến. Các tác phẩm đều minh chứng cho mô hình báo chí văn hóa - văn nghệ thời kỳ này đã trở thành công cụ tổ chức, định hướng nghề nghiệp và chiến đấu sắc bén trên mặt trận tư tưởng.

Với Tạp chí Văn nghệ, tác phẩm "Hội Văn nghệ Việt Nam hiệu triệu các anh chị em văn nghệ toàn quốc" (Số 11&12) là lời hiệu triệu mang tính tổ chức cao, thúc đẩy văn nghệ sĩ từ bỏ lối sáng tác "tiểu quy mô" để trực tiếp dấn thân vào các mặt trận quân sự. Tác phẩm xác lập một tư duy nghề nghiệp mới, nơi kỹ thuật sáng tác không còn là trở lực mà phải phục vụ mục tiêu tổng phản công và hòa nhịp cùng tốc độ chế tạo vũ khí, gặt hái của quân dân. Thông qua sự dắt dẫn này, người nghệ sĩ được yêu cầu phải trở thành một chiến sĩ, gắn bó máu thịt với đòi hỏi của thời đại để tạo ra những tác phẩm có giá trị cả về lượng và phẩm. Tác phẩm "Cái ba lô" (Số 11&12) tôn vinh hình ảnh người lính nông dân thông qua vật dụng giản dị là chiếc ba lô "bánh chưng". Tác phẩm xóa bỏ vẻ kiểu cách cũ kỹ của giới trí thức để xây dựng một hình tượng văn nghệ sĩ - chiến sĩ mới: những người biết quý trọng từng kỷ vật quê hương và gắn bó sâu sắc với tình cảm của đồng bào hậu phương. Tác phẩm "Quốc hội lần thứ ba" (Số 1) phản ánh sự biến chuyển tư tưởng của người nghệ sĩ khi trực tiếp tham gia vào phong trào cải cách ruộng đất cùng nông dân. Bài viết "Nhờ Bác, nhờ Đảng tôi đã hiểu các chiến sĩ hơn" (Số 1) làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc kết nối văn nghệ sĩ với thực tiễn, giúp họ nhìn thấy hình ảnh thực của đời sống thay vì những hư cấu lý thuyết suông. Trên các tạp chí này, tác phẩm văn học - nghệ thuật được đặt trong mối quan hệ đối thoại với các bài lý luận và phê bình, tạo nên một đời sống văn nghệ vừa

sinh động vừa có chiều sâu tư tưởng.

- Về xây dựng ngôn ngữ báo chí và chuẩn mực tiếng Việt

Với Tiên Phong và Văn nghệ, yêu cầu chuẩn hóa ngôn ngữ báo chí quan trọng khi công chúng giai đoạn 1945-1954 mở rộng nhanh và có sự chênh lệch về trình độ học vấn. Cả hai Tạp chí đều xây dựng ngôn ngữ kháng chiến gần gũi quần chúng và bảo đảm chiều sâu nghệ thuật. Trên Tạp chí Tiên Phong, bài viết "Phải bạo dưng tiếng Việt" (số 8) tố cáo thái độ "thiên lệch, vô lý" khi cho rằng tiếng Hán thì dưng được những cách nói "bạo dưng, bóng bẩy" còn tiếng Việt thì bị chê là "xấu, khó nghe". Bài viết khẳng định vai trò của báo chí trong việc chuẩn hóa ngôn ngữ: "Phải mạnh bạo dưng tiếng Việt để đặt tên người, tên làng, tên tỉnh... chứ không phải tiếng 'Hán lai' nữa, và lấy đó làm một cái gì sống một ngàn năm trong lòng người Việt." Đây chính là tiếng nói tiên phong, góp phần xây dựng chuẩn mực tiếng Việt hiện đại, vừa gần gũi quần chúng vừa giàu bản sắc dân tộc - đúng với sứ mệnh của báo chí trong giai đoạn kháng chiến. Tác phẩm "Tổ quốc" (số 20) thể hiện nỗi nhớ nước da diết của 25.000 Việt kiều xa xứ, với những so sánh giàu chất thơ. Câu văn "Tổ quốc là muôn hình ngàn ảnh, Tổ quốc là hơi điện, hơi người" cho thấy khả năng biểu đạt tiếng Việt giàu sức gợi, vừa bảo đảm logic vừa thấm đẫm cảm xúc nhân văn.

Với Tạp chí Văn nghệ, bài viết "Lập chiến công đầu năm" - truyện ký về một trận đánh của bộ đội trong đêm giao thừa, sử dụng ngôn ngữ giàu nhịp điệu và hình ảnh chân thực: "Tiếng súng của chúng tôi bắt đầu nổ. Đạn rít trong đêm khuya vang những tiếng thét." tạo nên lối viết giản dị, dồn dập, phản ánh chuẩn mực tiếng Việt trong sáng, phù hợp với công chúng kháng chiến. Tác phẩm "Tháng Bảy - tháng Tám - những ngày lớn" (số 9, 1954) - bài bút ký tổng hợp với lối viết đan xen giữa miêu tả thiên nhiên và sự kiện lịch sử: "Tháng bảy. Mưa lũ. Những ngày nắng chói. Rạo rực của những ngày tiền khởi nghĩa." Tác phẩm "Hồ Chủ tịch nói chuyện về cách viết" (số 36) - Bài tường thuật lời Bác Hồ dạy về cách viết, đặt ra những nguyên tắc cốt lõi cho người làm báo: "Vi công, nông, binh mà viết. Viết phải nhằm mục đích giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình.". Thông qua hình ảnh so sánh "lối viết rau muống", "chất chặt vào rừng xanh", Bác đã truyền đạt một cách sinh động yêu cầu "gọn gàng, rõ ràng, thiết thực" và "học tiếng nói của quần chúng".

Hay trong bài bút ký “Đuốc lửa trong mưa” (số 11, 1954) miêu tả lớp bình dân học vụ của phụ nữ dân tộc thiểu số trong đêm mưa rừng, mở đầu với hình ảnh thơ mộng: “Xa lắm, trong khoảng không dày đặc của núi rừng, bỗng le lói những ánh lửa, chập chờn như ma trời.” Ngôn ngữ giàu chất tạo hình, từ “màu mỡ nước, trơn vô cùng” đến “hai mươi đôi mắt sáng lên, hai mươi tâm thân nẩy nở và rần rỏi thẳng lên”, vừa cụ thể vừa gợi cảm. Như vậy, lối viết giản dị giúp mở rộng khả năng tiếp nhận, đồng thời đòi hỏi năng lực biểu đạt tiếng Việt giàu hình tượng và sức gợi. Gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt trở thành trách nhiệm văn hóa của báo chí, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí văn hóa - văn nghệ.

Thể loại	Tiên Phong (1945-1946)	Văn nghệ (1948-1954)
Chính luận / Nghị luận văn hóa - chính trị	- Văn hóa, Đề cương văn hóa, Hội nghị văn hóa	- Cương lĩnh, Hiệu triệu, Báo cáo công tác
Tuyên ngôn, thư kêu gọi, điện văn	- Thư gửi nhà văn hóa, Hiệu triệu	- Lời kêu gọi của Quốc hội, Hồ Chủ tịch
Phê bình - Trao đổi ý kiến	- Phê bình “Tuơng lai văn nghệ”, kịch Bắc Sơn	- Trao đổi về văn nghệ miền núi, cải cách ruộng đất
Thơ	- Xuân Diệu, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận...	- Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nông Quốc Chấn...
Truyện ngắn, ký, tùy bút, phóng sự	- Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng...	- Nguyễn Tuân, Hồng Hà, Nguyễn Thành Long...
Tiểu thuyết	- Nguyễn Huy Tưởng...	- Bùi Hiền, “Vùng mờ”...
Kịch - Chèo - Tuồng - Hoạt cảnh	- Trích “Bắc Sơn”, “Việt Nam đại hội”	- Chèo “Tám cảm”, “Nữ chiến sĩ Bùi Thị Phác”, tuồng
Lý luận - Kinh nghiệm sáng tác	- Bàn về văn nghệ, tu dưỡng nghệ thuật	- Kinh nghiệm viết tiểu thuyết, làm kịch chiến đấu
Dịch thuật (văn học, lý luận)	- Gorky, báo Trung Quốc, thơ Đan Mạch	- Triệu Thụ Lý, Miéc-tô-xun-gia-đê, thư nhà văn Liên Xô
Âm nhạc - Nhạc phẩm	- Lưu Hữu Phước, Văn Cao, Nguyễn Xuân Khoát	- Nhạc chào mừng hữu nghị Việt-Xô, ca khúc chiến thắng
Mỹ thuật - Hội họa - Điêu khắc	- Tô Ngọc Vân, triển lãm tranh, khóa thân	- Tô Ngọc Vân “Vẽ địa chủ”, Thư gửi bạn hội họa
Kiến trúc	- Tạ Mỹ Duật: thôn quê, làng mạc	- Nguyễn Cao Luyện: kiến trúc nông thôn
Tin tức - Thời sự văn nghệ	- Mục “Tin văn hóa”	- Mục “Tin Văn nghệ” ở mỗi số
Tương thuật - Ghi chép sự kiện	- Đại hội Văn hóa Cứu quốc, Tổng tuyển cử	- Đại hội liên hoan văn công toàn quốc, chiến dịch Điện Biên
Thư bạn đọc - Giao lưu	- Thư gửi tòa soạn, trả lời bạn đọc	- Mục “Trao đổi”, thư bạn đọc
Giới thiệu sách - Điểm sách	- Giới thiệu “Ngục Kon Tum”, “Vũ Như Tô”	- Giới thiệu “Truyện Tây Bắc”, sách “Gọi khó”

Bảng phân loại một số tác phẩm theo thể loại trên Tạp chí Tiên Phong và Tạp chí Văn nghệ

- Báo chí góp phần trung gian trong quảng bá và bảo vệ các giá trị văn hóa - văn nghệ

Với Tiên Phong, công chúng trọng tâm là trí thức, văn nghệ sĩ, tầng lớp có khả năng tham gia kiến thiết tư tưởng. Tác phẩm “Hà Tĩnh sau cuộc cách mạng tháng Tám” (số 9), thực hiện vai trò trung gian khi quảng bá hình ảnh một Hà Tĩnh “xinh xắn mà cứng cỏi”, nơi người dân “đã được thở cái hương vị của tự do” và sẵn sàng đoàn kết chống xâm lược. Qua lối kể chuyện đan xen miêu tả và bình luận, báo chí đã góp phần bảo vệ

giá trị văn hóa địa phương - truyền thống hiếu học, tinh thần kỷ luật, lòng yêu nước - và lan tỏa tinh thần ấy đến độc giả toàn quốc. Chi tiết "những lá cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên ngọn những cây tre cao ngất... luôn luôn nhắc nhở người qua đường phải nghĩ đến cái tinh thần yêu nước cổ truyền của người dân núi Hồng sông Lam" chính là một thông điệp văn hóa thể hiện sự cộng hưởng giữa tác giả, tạp chí và công chúng - đúng với chức năng của báo chí văn nghệ: kết nối, bảo tồn và lan tỏa những giá trị tinh thần cao đẹp. Với Văn nghệ, công chúng mở rộng theo hướng đại chúng hơn: văn nghệ sĩ chuyên nghiệp, lực lượng viết từ cơ sở, cán bộ văn hóa, chiến sĩ, dân công, bạn đọc quần chúng. Tác phẩm "Văn nghệ với dân quân" (số 5) xác định hình ảnh người dân quân là "sự phối hợp đầy đủ nhất của người Lính và người Dân kháng chiến", qua đó mở rộng đối tượng phản ánh của văn nghệ đến tầng lớp bình dị nhất.

3.2. Thảo luận

Tạp chí Tiên Phong (1945-1946) và Văn nghệ (1948-1954) có ảnh hưởng lâu dài đến tiến trình phát triển văn học - nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Hai tạp chí là nguồn tư liệu lịch sử - văn hóa có giá trị, giúp nghiên cứu sâu hơn về sự vận động của tư duy văn nghệ trong bối cảnh chiến tranh và cách mạng. Từ thực tiễn hoạt động của hai tạp chí, có thể rút ra bốn bài học trọng yếu cho báo chí văn hóa - văn nghệ đương đại.

Thứ nhất, ngôn ngữ báo chí cần được coi là một thiết chế văn hóa chủ động, vừa giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, vừa tổ chức tư duy xã hội. Trên Tiên Phong, "Phải bọ dùng tiếng Việt" (số 8) phê phán thói quen lạm dụng từ Hán, khẳng định yêu cầu dùng tiếng Việt để giữ gìn bản sắc dân tộc. Bài "Nhiệm vụ của Văn hoá trong thời kỳ kháng chiến cứu quốc" (số 18) xác định văn hóa kháng chiến là "văn hóa chống đế quốc, chống phong kiến, tân dân chủ", dùng ngôn ngữ chính luận giàu tính tổ chức để định hướng tư duy. Với Văn nghệ, bài "Hồi Chủ tịch nói chuyện về cách viết" (số 36) hệ thống hóa nguyên tắc "vì công, nông, binh mà viết", "viết ngắn", "học tiếng nói của quần chúng".

Thứ hai, tranh luận và đối thoại học thuật là phương thức vận động nội tại không thể thiếu của đời sống văn hóa - văn nghệ. Tiên Phong dành dung lượng cho các bài phê bình như "Văn hoá với thời đại" (số 10) và "Nhiệm vụ chống phát xít của nhà văn lúc này" (số 1), mở ra những cuộc thảo luận thẳng thắn về vai trò của trí thức, nghệ sĩ. Văn

nghệ duy trì mục “Trao đổi ý kiến” thường xuyên, đăng tải nhiều quan điểm khác nhau về sáng tác, cải cách ruộng đất, văn nghệ miền núi. Báo chí văn hóa - văn nghệ cần tránh xu hướng tuyệt đối hóa chức năng tuyên truyền theo hướng giản lược đời sống sáng tạo; thay vào đó, phải mở không gian cho đa dạng cảm hứng, tìm tòi nghệ thuật và đối thoại lành mạnh, đảm bảo sự phát triển bền vững của văn hóa - văn nghệ.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ người làm báo cần được tiến hành đồng bộ từ đào tạo định hướng, bồi dưỡng cây bút mới đến tạo dựng môi trường sinh hoạt cộng đồng. Trên Tiên Phong, tác phẩm “Họ ra đi” (số 18) khuyến khích các cây bút hòa mình vào đời sống quần chúng, “khoan làm thầy, hãy làm thợ”. Các bài “Xây dựng con người” và “Nhiệm vụ của Văn hoá trong thời kỳ kháng chiến cứu quốc” đặt ra chuẩn mực để người cầm bút tự soi chiếu, chuyển đổi từ cá nhân ích kỷ sang con người tập thể. Với Văn nghệ, “Từ hội nghị hội hoạ đến hai lớp học tập cải tạo tư tưởng” (số 35) ghi lại quá trình các nghệ sĩ thẳng thắn nhìn nhận khuyết điểm và cam kết phục vụ kháng chiến, trở thành mô hình bồi dưỡng cây bút mới bằng nâng cao nhận thức chính trị và trách nhiệm nghề nghiệp.

Thứ tư, báo chí văn hóa - văn nghệ phải gắn bó chặt chẽ với đời sống xã hội và vận mệnh dân tộc, vừa phản ánh hiện thực vừa định hướng giá trị. Tiên Phong với bài “Nhiệm vụ của Văn hoá trong thời kỳ kháng chiến cứu quốc” vừa xác định nguyên tắc nền tảng vừa khuyến khích “lấy văn hóa của mình làm thể, của người làm dụng”. Văn nghệ với các tác phẩm “Hành quân trú quân”, “Đuốc lửa trong mưa”, “Lập chiến công đầu năm” là minh chứng cho sự gắn bó máu thịt giữa sáng tác với đời sống chiến đấu, lao động. Dù trong thời bình hay thời chiến, báo chí văn hóa - văn nghệ cần phản ánh những vấn đề cốt lõi của đời sống, định hướng giá trị, nuôi dưỡng lý tưởng và bản sắc văn hóa cộng đồng. Chính sự gắn bó này tạo nên tính thời sự, sức thuyết phục và ảnh hưởng xã hội bền vững. Đặc biệt, việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, như Tạp chí Tiên Phong từng kêu gọi “phải bạo dưng tiếng Việt” chống lạm dụng từ Hán và Tạp chí Văn nghệ dưới sự chỉ dẫn của Hồ Chủ tịch đề ra nguyên tắc viết gọn gàng, rõ ràng, gần gũi quần chúng, càng có ý nghĩa thời sự trong bối cảnh toàn cầu hóa và nguy cơ lai căng ngôn ngữ hiện nay.

4. Kết luận

Tạp chí Tiên Phong (1945-1946) và Tạp chí Văn nghệ (1948-1954) giữ vai trò bản lề trong tiến trình hình thành và phát triển của báo chí văn hóa - văn nghệ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945-1954. Hai tạp chí đã cụ thể hóa và bảo vệ đường lối văn hóa của Đảng, đặc biệt là ba nguyên tắc "Dân tộc, Khoa học, Đại chúng" từ Đề cương về Văn hóa Việt Nam (1943), góp phần định hình hệ giá trị và chuẩn mực thẩm mỹ cho nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân. Tiên Phong và Văn nghệ đã thực hiện thành công vai trò kết nối, tập hợp và đào tạo đội ngũ văn nghệ sĩ - chiến sĩ, xây dựng mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, tạo dựng không gian sinh hoạt văn nghệ có tính cộng đồng và định hướng nghề nghiệp cao. Những giá mà hai tạp chí mang lại có ý nghĩa đối với đời sống văn hóa - văn nghệ đương thời, và bài học kinh nghiệm quý báu cho báo chí văn hóa - văn nghệ Việt Nam trong bối cảnh truyền thông hiện đại, đặc biệt về xây dựng ngôn ngữ báo chí chuẩn mực, tổ chức hệ thống thể loại, phát huy vai trò tranh luận học thuật, xây dựng đội ngũ người làm báo có bản lĩnh chính trị và năng lực nghề nghiệp, cũng như giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (1998). Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, Khóa VIII: Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
2. Bộ Chính trị. (1992). Chỉ thị 08-CT/TW ngày 31/3/1992 về tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của Đảng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản.
3. Bộ Chính trị. (1997). Chỉ thị 22-CT/TW ngày 17/10/1997 về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của Đảng về công tác báo chí, xuất bản.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2000). Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 7, 1940-1945). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
5. Đỗ Đình Hằng (Chủ biên). (2006). Tìm hiểu đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
6. Hồ Chí Minh. (2000). Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 4, 1945-1946). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
7. Hồng Chương. (1987). Tìm hiểu lịch sử báo chí Việt Nam. Nhà xuất bản Sách giáo khoa Mác - Lênin.

8. Hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam. (1996). Sưu tập trọn bộ "Tiên phong" (1945-1946). Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
9. Nguyễn Thế Kỷ. (2017). Báo chí, truyền thông Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
10. Sưu tập Văn nghệ trọn bộ 1948-1954. (1998). Nhà xuất bản Hội Nhà văn.